

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: 170/2024/DSPT
Ngày: 18/3/2024
*V/v: tranh chấp hợp
đồng dịch vụ*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Trương Chí Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, xét xử phúc
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 563/2023/TLPT-DS ngày 04/12/2023 về việc
“*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” do bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày
29/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2024/QĐXX-PT ngày
17/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ Th; sinh năm: 1963; địa chỉ: Số nhà 321 phố
Khương Trung, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; có
mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Đỗ V H; sinh năm: 1951; địa chỉ: Số nhà 16, ngách 532/70
Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; có mặt tại
phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn K L - Công
ty Luật TNHH Nguyễn Linh - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 619, tầng 6, Tòa nhà Sannam, số 78 phố Duy Tân,
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Luật sư có mặt tại
phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Ông Đỗ V H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

*Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ông Nguyễn Đ
Th trình bày:*

Ngày 15/12/2020 Ông Đỗ V H uỷ quyền cho ông đại diện tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho ông H liên quan đến Bản án số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (*sau đây gọi tắt là Bản án 391*), theo Giấy uỷ quyền số 3663/2020 GUQ, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Việt Hưng có địa chỉ tại số 2A Phố Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Ngày 19/12/2020, Ông Đỗ V H đã ký Hợp đồng thoả thuận với ông về việc trả thù lao công việc uỷ quyền với số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Tại điểm a, Điều 2 của hợp đồng thoả thuận có nêu trong thời gian thực hiện công việc theo hợp đồng mà bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng giữa chừng thì phải bồi thường cho bên B 50% giá trị hợp đồng đã thoả thuận.

Sau khi nhận uỷ quyền, ông đã soạn đơn đề nghị Giám đốc thẩm và mang đến tận nhà để ông H ký vào đơn, ngày 29/12/2020 ông đã nộp đơn cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, tuy nhiên khi nộp đơn thì cán bộ nhận đơn đã không cấp giấy biên nhận cho ông, với lý do trước đó ông H đã nộp đơn yêu cầu Giám đốc thẩm rồi nên không cấp thêm phiếu nhận đơn khác nữa, mà chỉ ghi bổ sung vào phiếu nhận đơn ban đầu đã cấp cho ông H. Khi ông H đi nộp đơn ông cũng không báo cho ông biết để cùng phối hợp. Ông nộp xong đơn cho Tòa án về có báo lại cho ông H việc là cần phải có phiếu nhận đơn ban đầu đã cấp cho ông H để tòa án ghi đơn yêu cầu ông nộp vào ngày 29/12/2020, ông H không có ý kiến gì vì đã biết đơn của mình đã được Tòa án nhận.

Ngày 10/4/2020, ông H ra phòng công chứng Việt Hưng để chấm dứt uỷ quyền với ông, trước đó ông H có trao đổi qua điện thoại đề nghị đến nhà ông H để bàn về việc chấm dứt hợp đồng và đền bù cho ông 20.000.000 đồng, ông không đồng ý nên ông H đã đưa ra số tiền là 40.000.000 đồng nhưng ông vẫn không đồng ý việc đơn phương huỷ hợp đồng như vậy. Vì trong hợp đồng có nêu rõ bên nào đơn phương huỷ hợp đồng thì phải bồi thường 50% giá trị đã thoả thuận. Ông đưa ra yêu cầu bồi thường 25% hợp đồng nhưng ông H không đồng ý. Sau đó, ông nhận được văn bản đơn phương huỷ uỷ quyền với ông do ông H lập tại Văn phòng công chứng Việt Hưng.

Căn cứ quy định tại các Điều 566 và 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Ông Đỗ V H bồi thường cho ông do đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền là 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Th thay đổi lời khai về việc 700.000.000 đồng ghi nhận tại Hợp đồng thoả thuận ngày 19/12/2020 là thù lao, không phải là hứa thưởng, các nội dung khác giữ nguyên như trong quá trình giải quyết vụ án. Trường hợp không có căn cứ cho rằng ông H đơn phương chấm dứt hợp đồng thì đề nghị Tòa án tuyên buộc ông H phải thanh toán tiền thù lao cho ông với mức tiền là 350.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Ông Đỗ V H trình bày: ông được người quen giới thiệu Ông Nguyễn Đ Th làm về luật, ngày 19/12/2020 tôi có ký hợp đồng

thuê ông Th đại diện cho tôi tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho ông đối với bản án số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 23/12/2020 ông có đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hỏi thông tin vụ việc gia đình thì được biết là ông Th chưa gửi đơn đề nghị xem xét giám đốc thẩm, ngày hôm đó ông H đã trực tiếp viết đơn đề nghị giám đốc thẩm và trực tiếp gửi tại Tòa án cấp cao tại Hà Nội (có giấy biên nhận). Trong thời gian từ khi ký hợp đồng thỏa thuận ngày 19/12/2020 đến ngày 03/04/2021, ông Th không triển khai được bất cứ việc nào theo thỏa thuận đã ký. Từ việc soạn đơn đến việc gửi đơn, đơn đề nghị kháng nghị bản án phúc thẩm do ông tự làm và nộp vào ngày 23/12/2020. Ngày 03/04/2021 ông có yêu cầu ông Th thông báo những việc đã làm như trong thỏa thuận thì ông Th chụp gửi cho ông ảnh “Giấy xác nhận đã nhận đơn đề nghị xem thủ tục giám đốc thẩm”, trong giấy xác nhận đó cũng ghi chính ông nộp tại tòa án cấp cao tại Hà Nội ngày 23/12/2020, không phải do ông Th soạn viết và nộp. Nhận thấy việc ông Th có ký hợp đồng thỏa thuận với ông nhưng lại không triển khai thực hiện công việc như trong thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng thỏa thuận, trong khi việc đề nghị giám đốc thẩm là có thời hạn (01 năm), không thể kéo dài mãi, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông nên ông quyết định thông báo hủy hợp đồng thỏa thuận với ông Th ngày 03/04/2021. Do vậy, ngày 05/04/2021 ông đến phòng công chứng hủy ủy quyền với ông Th và không có nghĩa vụ bồi thường cho ông Th do ông Th là người vi phạm hợp đồng.

Việc ông thỏa thuận với Ông Nguyễn Đ Th tại văn bản ủy quyền và hợp đồng thỏa thuận là do một mình ông giao kết hợp đồng, không bàn bạc gì với vợ là bà Đinh Kim Ngân, do vậy ông khẳng định bà Ngân không liên quan gì trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: bị đơn thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận việc ủy quyền và chấm dứt ủy quyền mà không thừa nhận việc thỏa thuận thù lao của việc ủy quyền theo Biên bản thỏa thuận ngày 19/12/2022.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ông Nguyễn Đ Th về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ phát sinh từ Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/12/2020. Buộc Ông Đỗ V H có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Đ Th số tiền thù lao là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, ngày 11/8/2023 Ông Đỗ V H (bị đơn) nộp đơn kháng cáo và ngày 17/8/2023 ông H nộp đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: sửa hoặc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn không phải trả thù lao cho ông Th số tiền 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Đỗ V H.

- Bị đơn ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Đ Th. Ông H đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm trả cho ông Th số tiền thù lao là 20.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông H là Luật sư Linh trình bày bản luận cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H và Luật sư Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Long Biên theo hướng ông H sẽ thanh toán số tiền thù lao cho ông Th là 20.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án và đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng thỏa thuận ngày 19/12/2020. Đây là vụ án dân sự về tranh chấp về “Hợp đồng dịch vụ”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi ban hành bản án sơ thẩm, các đương sự không có ý kiến, yêu cầu gì về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149 của Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án là có căn cứ.

1.3. Về việc yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể là trường hợp không có căn cứ để cho rằng ông H đơn phương chấm dứt hợp đồng thì đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông H phải thanh toán tiền thù lao. Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn thuộc phạm vi tranh chấp liên quan đến hợp đồng dịch vụ đã được xem xét trong quá trình chuẩn bị xét xử, số tiền yêu cầu thanh toán thù lao không vượt quá số tiền yêu cầu bồi thường

đã nộp tạm ứng án phí, vì vậy yêu cầu bổ sung của nguyên đơn nằm trong phạm vi khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét yêu cầu này của ông Th là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu các đương sự giải thích giao dịch (đối với Giấy uỷ quyền – Điều 121 Bộ luật Dân sự) và giải thích hợp đồng (đối với Hợp đồng thoả thuận – Điều 404 Bộ luật Dân sự), theo đó thì nguyên đơn giải thích việc ghi “*thực hiện việc khiếu nại, khởi kiện theo quy định của luật tố tụng hành chính*” là để sử dụng trong trường hợp đơn đề nghị giám đốc thẩm hoặc các yêu cầu của ông H không được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thì ông Th có quyền khiếu nại, khởi kiện hành chính về hành vi hành chính, quyết định hành chính đó.

[2]. Về hình thức:

Ngày 29/7/2023, Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 11/8/2023 bị đơn Ông Đỗ V H nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Ông H là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Xét về mặt hình thức yêu cầu kháng cáo của ông H là hợp lệ, vụ án được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

3.1. Về yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng; Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định:

“...[2.1] Bị đơn là Ông Đỗ V H lập văn bản uỷ quyền cho ông Th đại diện tham gia tố tụng với tư cách là đương sự trong vụ án tranh chấp thừa kế theo Bản án số 391/2020/DS-PT ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Xét Giấy uỷ quyền ngày 15/12/2020 được ông H lập tại Văn phòng công chứng Việt Hưng trên cơ sở hành vi pháp lý đơn phương, trong đó ghi nhận việc ông H chỉ định ông Th là người được uỷ quyền đại diện mình thực hiện một hoặc nhiều công việc trong phạm vi quy định tại Giấy uỷ quyền. Việc ông H uỷ quyền cho ông Th đã được trao đổi trước và ông Th đồng ý nhận uỷ quyền (không lập thành văn bản).

Giấy uỷ quyền số công chứng 3663/2020/GUQ, quyền số 02/TP/CC-SCC/HDDGD ngày 15/12/2020 của Văn phòng công chứng Việt Hưng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Sau khi lập văn bản uỷ quyền, ngày 19/12/2020 Ông Đỗ V H và Ông Nguyễn Đ Th giao kết “Hợp đồng thoả thuận” với nội dung: Bên A (ông H) uỷ quyền cho Bên B (ông Th) “*thu thập chứng cứ, làm đơn gửi tới các cơ quan toà án các cấp để khiếu nại nội dung bản án số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án cấp giám đốc thẩm bác bỏ văn bản, đơn xin chia đất cho con ngày 12/02/1993, do không đủ căn cứ pháp lý để chia thừa kế theo pháp luật cho các thành viên trong gia đình.*

Bên A sẽ trả thù lao cho Bên B là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) nếu văn bản đơn xin chia đất cho con ngày 12/02/1993 bị huỷ bỏ để toà giám đốc thẩm chia lại theo pháp luật... Bên B sẽ có trách nhiệm đôn đốc việc thi hành án, sau đó làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ cho bên A và bà Đỗ Thị Hồng...”

Tại Hợp đồng thoả thuận này, các bên cam kết quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, trong đó Bên A (ông H) cam kết *“trong thời gian thực hiện HĐ mà bên A đơn phương chấm dứt HĐ giữa chừng thì phải bồi thường cho bên B 50% số tiền theo nội dung đã thoả thuận”*.

Xét đây là thoả thuận giữa một bên cung ứng dịch vụ (ông Th) thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ (ông H), bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ. Do vậy, Hợp đồng thoả thuận ngày 19/12/2020 được giao kết giữa ông H và ông Th là Hợp đồng dịch vụ (các Điều từ 515 đến 518 Bộ luật Dân sự)

Hợp đồng thoả thuận được bị đơn – Ông Đỗ V H và nguyên đơn – Ông Nguyễn Đ Th lập thành văn bản, tuy không được công chứng, chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nhưng đều được các đương sự thừa nhận việc thoả thuận nêu trên hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Tại thời điểm lập văn bản uỷ quyền cũng như hợp đồng thoả thuận cho đến thời điểm xét xử, không ai phản ánh hay có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các đương sự không có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao kết, nội dung không vi phạm điều cấm của luật. Vì vậy, Hợp đồng thoả thuận ngày 19/12/2020 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 398, 400, 401, 402 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên tham gia giao kết.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng Hợp đồng thoả thuận ngày 19/12/2020 vô hiệu do vi phạm về hình thức, vi phạm về chủ thể, vi phạm về nội dung (theo quy định tại các Điều 562, 563, 566, 567 Bộ luật Dân sự và Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Tố tụng dân sự) là không có cơ sở, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.3] Quá trình thực hiện việc uỷ quyền, ông Th cho rằng mình nghiên cứu tài liệu, hồ sơ, soạn thảo đơn đề nghị giám đốc thẩm, đưa cho ông H ký và giao nộp cho Toà án cấp cao tại Hà Nội vào ngày 29/12/2020 là sau 14 ngày kể từ ngày ông H lập văn bản uỷ quyền. Ông H không công nhận nội dung này, nhưng đã thừa nhận việc ông Th đưa cho xem bản chụp Giấy nhận đơn của Toà án cấp cao tại Hà Nội và đây là Giấy nhận đơn do chính ông H giao nộp cho Toà án vào ngày 23/12/2020 (BL.83 – trang 2), việc nộp đơn và Giấy biên nhận đơn này ông H không cho ông Th được biết trước. Như vậy có cơ sở để khẳng định ông Th có đến Toà án cấp cao tại Hà Nội để liên hệ nộp đơn và được cán bộ tiếp nhận đơn cho sao chụp giấy nhận biên đơn của ông H. Không có căn cứ cho rằng ngày ông Th nộp đơn là 29/12/2020 nhưng khẳng định là ông Th nộp đơn sau ông H.

Xét văn bản uỷ quyền cũng như hợp đồng thoả thuận, các bên không giao kết cụ thể từng mốc thời gian phải hoàn thành từng hạng mục công việc uỷ quyền. Ông H cho rằng kể từ thời điểm uỷ quyền (15/12/2020) khi chấm dứt uỷ quyền (05/4/2021) là hơn 03 tháng ông Th không làm bất cứ việc gì. Việc ông H chủ động làm và nộp đơn đề nghị giám đốc thẩm vào ngày 23/12/2020 (sau 08 ngày kể từ khi lập văn bản uỷ quyền, sau 4 ngày kể từ khi lập Hợp đồng thoả thuận) là do sốt ruột,

không yên tâm chứ hoàn toàn chưa có căn cứ gì để cho rằng ông Th sẽ không thực hiện công việc uỷ quyền dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của gia đình ông.

Tuy nhiên, việc chấm dứt văn bản uỷ quyền là sự thoả thuận của cả hai bên ông Th và ông H (BL.88). Do Giấy uỷ quyền ngày 15/12/2020 là hành vi pháp lý đơn phương nên chỉ cần một mình ông H (bên uỷ quyền) tuyên bố chấm dứt mà không cần có xác nhận của ông Th (bên nhận uỷ quyền) cũng có hiệu lực.

[2.4] Về tính liên quan giữa Giấy uỷ quyền ngày 15/12/2020 với Hợp đồng thoả thuận ngày 19/12/2020:

Bị đơn cho rằng Giấy uỷ quyền và Hợp đồng thoả thuận là hai văn bản hoàn toàn độc lập, không liên quan đến nhau vì Hợp đồng thoả thuận có nội dung uỷ quyền nhưng không dẫn chiếu đến Giấy uỷ quyền, Hợp đồng thoả thuận có nêu công việc uỷ quyền liên quan đến bản án 391 nhưng Giấy uỷ quyền “thực hiện việc khiếu nại liên quan đến bản án nêu trên” mà không nói đến bản án 391.

Nguyên đơn khẳng định Hợp đồng thoả thuận được lập trên cơ sở Giấy uỷ quyền vì đây là uỷ quyền có thù lao và thù lao thoả thuận ngoài.

Xét thấy: Giấy uỷ quyền và Hợp đồng thoả thuận là hai văn bản độc lập nhưng hoàn toàn liên quan mật thiết đến nhau. Tại Hợp đồng thoả thuận, ông Th nhận công việc “thu thập chứng cứ, làm đơn gửi tới các cơ quan tòa án các cấp...” để bảo vệ quyền lợi cho ông H theo Bản án số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cho đến khi “thi hành án”, “cấp GCNQSDĐ”... với thù lao là 700.000.000 đồng. Trên thực tế ông H là đương sự trong vụ án dân sự tại Bản án số 391 nêu trên, việc ông H thoả thuận để ông Th thực hiện thay mình một số công việc như nêu tại Hợp đồng thoả thuận là có thật và là công việc có thể thực hiện được (Điều 513 và 514 Bộ luật Dân sự). Đây là những nội dung công việc phải tham gia, thực hiện tại các cơ quan tiến hành tố tụng, do vậy để thực hiện được nội dung công việc liên quan đến thoả thuận nêu trên thì ông H phải uỷ quyền cho ông Th đại diện tham gia tố tụng và việc uỷ quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật, chính vì vậy ông H đã uỷ quyền cho ông Th đại diện tham gia tố tụng thay mình tại Giấy uỷ quyền ngày 15/12/2020 do Văn phòng công chứng Việt Hưng thực hiện. Điều này cũng phù hợp với lời khai của ông H tại phiên tòa: “trước khi uỷ quyền tại Phòng công chứng thì chúng tôi có thoả thuận miệng thù lao là 700.000.000 đồng”. Việc ông H chấm dứt văn bản uỷ quyền tại Phòng công chứng chính là hành động thu hồi “công cụ lao động” của ông Th trong việc thực hiện công việc theo hợp đồng thoả thuận, tại phiên tòa ông Th cũng trình bày nếu chỉ sử dụng Hợp đồng thoả thuận mà không có Giấy uỷ quyền công chứng thì ông Th không thể thay mặt ông H thực hiện những nội dung công việc tại Tòa án được.

Từ những căn cứ nêu trên, khẳng định việc chấm dứt uỷ quyền tại Giấy uỷ quyền ngày 15/12/2020 đương nhiên làm chấm dứt việc thực hiện công việc đã giao kết tại Hợp đồng thoả thuận ngày 19/12/2020.

Bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng ông H chấm dứt việc uỷ quyền tại Giấy uỷ quyền ngày 15/12/2020 không làm chấm dứt

Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/12/2020 là hoàn toàn không có cơ sở cả về thực tế và căn cứ pháp lý.

Mặt khác, tại Đơn trình bày ghi ngày 16/11/2022 (BL.50+51), bị đơn là Ông Đỗ V H đã xác nhận: “...*Để đảm bảo quyền lợi của tôi, nên tôi quyết định thông báo hủy hợp đồng thỏa thuận với ông Th*”, lời trình bày này phù hợp với những lời khai thống nhất của hai bên đương sự trong giai đoạn xét xử, phù hợp với lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa rằng các bên có thỏa thuận với nhau (bằng miệng) về việc chấm dứt hợp đồng thỏa thuận ngày 19/12/2020 cùng thời điểm ông H chấm dứt việc ủy quyền.

[2.5] *Xét yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng*: Như đã nhận định tại mục [2.3], có đủ cơ sở xác định việc chấm dứt ủy quyền của ông H đã thông qua và được sự đồng ý (thậm chí hướng dẫn thủ tục) của ông Th, việc chấm dứt ủy quyền dẫn đến chấm dứt Hợp đồng thỏa thuận. Do vậy, đây không thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc yêu cầu bồi thường số tiền 350.000.000 đồng theo Điểm a Điều 3 của Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/12/2020...”

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc yêu cầu bồi thường số tiền 350.000.000 đồng theo Điểm a Điều 3 của Hợp đồng thỏa thuận được Ông Nguyễn Đ Th và ông Đỗ Văn Hiền ngày 19/12/2020 là có căn cứ.

3.2. Về yêu cầu thanh toán chi phí, thù lao công việc ủy quyền.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các bên đương sự đều thừa nhận khi thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng, phía ông H đề xuất thanh toán thù lao cho ông Th là 20 triệu đồng cho những ngày ông Th đã làm việc với ông H, nhưng ông Th không đồng ý mà yêu cầu số tiền lớn hơn. Tại lời khai của mình (BL.82) ông H tiếp tục khẳng định tự ước tính thù lao cho 04 ngày làm việc của ông Th là 20 triệu đồng, tại Biên bản hoà giải ngày 20/6/2023 (BL76,77) ông H thừa nhận đã đề nghị hỗ trợ ông Th số tiền 40 triệu đồng tương đương với 04 ngày ông Th đã đi lại để làm việc với ông H nhưng ông Th không đồng ý. Ông Th đề nghị mức thù lao là 350.000.000 đồng nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa cấp sơ thẩm ông H thay đổi lời khai cho rằng ông Th không làm được bất cứ công việc nào nên không trả tiền thù lao cho ông Th.

Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án các lời khai của đương sự và thực tế thì việc ông Th cùng phải đi lại, tư vấn, trao đổi về công việc với ông H trước và sau khi ký kết hợp đồng thỏa thuận ngày 19/12/2020 nên Hội đồng xét xử thấy ông H phải trả một khoản tiền thù lao cho ông Th là hợp lý và theo đề xuất của ông H thanh toán thù lao cho ông Th số tiền là 20 triệu đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Đỗ V H sửa án sơ thẩm như đã phân tích ở trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị, nên được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị, nên được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm Ông Đỗ V H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 121, 398, 400, 401, 402, 404, 513, 514, 515, 516, 517, 518 và 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Điểm đ Khoản 2 Điều 12, Điều 14 và Khoản 4 Điều 26, của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Long Biên và quyết định cụ thể như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ông Nguyễn Đ Th về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ phát sinh từ Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/12/2020.

Buộc Ông Đỗ V H có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Đ Th số tiền thù lao là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ông Nguyễn Đ Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Th số tiền 8.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0065411 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

Bị đơn là Ông Đỗ V H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ V H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội ;
- TAND quận Long Biên ;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Như Lâm